TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày: 07-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Tự Tín.
Bà Lê Thị Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: số a – b, đường N, phường e, Quận f, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Th.D, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S (*Vắng mặt có lý do*).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Duy N, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh (Theo Giấy ủy quyền số: 3904/2017/GUQ-PL ngày 14-12-2017) (*Vắng mặt có lý do*).

Địa chỉ Chi nhánh: 555 N, khóm k, phường m, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Ông Châu Duy N ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thanh T, chức vụ: Phó Trưởng Phòng – Phòng Giao dịch C, thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh, trực tiếp tham gia tố tụng (Theo Giấy ủy quyền số: 09/2018/GUQ-CNTV ngày 11-01-2018) (*Có mặt*).

- *Bị đơn*: 1/. Bà Phạm Xuân M, sinh năm: 1986 (*Vắng mặt không lý do*);

Địa chỉ: ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1982 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp AĐC, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1960 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-11-2017, các bản tự khai ngày 15-01-2018, 10-4-2018, 07-6-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S là ông Nguyễn Thanh T trình bày:*

Bà Phạm Xuân M và ông Nguyễn Minh T có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh - Phòng Giao dịch C theo Hợp đồng cho vay số LD1611200372 ngày 21-4-2016. Số tiền vay là 90.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp, lãi suất 13,2%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Phương thức trả nợ: gốc trả theo từng giấy nhận nợ + lãi trả định kỳ 03 tháng/lần. Để bảo đảm cho tiền vốn vay, bà M, ông T có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1611200372 ngày 21-4-2016, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã PT ngày 22-4-2016. Tài sản thế chấp là một quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 1.763,0m^2, đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa số 820, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh, số BO 732650, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07-10-2013 cho bà Phạm Xuân M đứng tên quyền sử dụng. Sau khi vay tiền, bà M, ông T có đóng lãi định kỳ được 03 lần từ ngày 21-4-2016 đến ngày 20-01-2017 bằng 9.009.000 đồng, thì không đóng lãi tiếp cũng không trả vốn cho Ngân hàng. Do bà M, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M và ông T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 07-6-2018 là 113.678.414 đồng, trong đó vốn gốc là 90.000.000 đồng, lãi phải trả gồm lãi quá hạn 23.331.000 đồng, lãi phạt quá hạn 347.414 đồng. Kể từ ngày 08-6-2018, Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay cho đến khi bà M, ông T thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng. Nếu bà Phạm Xuân M và ông Nguyễn Minh T không thanh toán hết nợ vay, yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng.

** Đối với bị đơn bà Phạm Xuân M và ông Nguyễn Minh T:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng ông T, bà M đều vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho biết bà M có hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng hiện nay không có mặt tại ấp TC, xã PT, không

xác định được thời điểm trở về; Đối với ông T vẫn đang cư trú tại ấp AĐC, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh và có ký nhận trực tiếp các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T, bà M đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng ông T, bà M tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

** Tại Biên bản tiếp xúc ngày 10-4-2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:* Bà là mẹ ruột của Phạm Xuân M, còn Nguyễn Minh T là chồng của Phạm Xuân M. Diện tích 1.763,0m^2, đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa số 820, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do Phạm Xuân M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc M thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S lúc nào bà không biết. M đã bỏ đi khỏi địa phương để đi làm ở Bình Dương từ trước Tết năm 2018 cho tới nay không trở về, bà không biết địa chỉ cụ thể của M ở đâu. Từ khi M bỏ đi đến nay, diện tích đất ruộng do bà trực tiếp trông coi dùm cho M, không có sang bán hay chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố cho người nào khác. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu M trả tiền nợ, nếu không trả, Ngân hàng yêu cầu phát mãi diện tích đất 1.763,0m^2 này thì bà không có ý kiến, không tranh chấp gì, Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 292, 299, 320, 322, 323, 357, 463, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 5, 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Buộc ông Nguyễn Minh T, bà Phạm Xuân M trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền đã vay còn nợ tính đến ngày 07-6-2018 là 113.678.414 đồng; Kể từ ngày 08-6-2018 tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay cho đến khi bà M, ông T thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng; Trong trường hợp ông T, bà M không thanh toán dứt điểm số nợ trên cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C phát mãi đối với tài sản mà ông T, bà M đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1611200372 ngày 21-4-

2016 để thu hồi nợ; Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật*: Ngày 21-4-2016, ông Nguyễn Minh T, bà Phạm Xuân M có giao dịch vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh - Phòng Giao dịch C số tiền 90.000.000 đồng để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay là 36 tháng. Nhưng sau khi vay tiền, bà M, ông T chỉ đóng lãi định kỳ được 03 lần thì không đóng lãi tiếp, cũng không trả vốn cho Ngân hàng theo định kỳ trả nợ đã cam kết nêu trong hợp đồng vay, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà M trả tiền nợ. Trường hợp không thanh toán hết nợ, thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản mà bà M, ông T đã thế chấp cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp được quy định tại Điều 463 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Tòa án xem xét áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] *Về thẩm quyền*: Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, các bên phát sinh tranh chấp về thời gian và số tiền còn phải thanh toán nợ, nên đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu giải quyết; Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T có địa chỉ cư trú tại ấp AĐC, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Bị đơn bà Phạm Xuân M có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Nguyễn Minh T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 07-6-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, nhưng ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Minh T theo luật định; Đối với bị đơn bà Phạm Xuân M và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo dự phiên đối chất, nhưng bà M, bà H vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Phạm Xuân M, bà Trần Thị H theo luật định.

[4] *Về yêu cầu thu hồi tiền nợ vay*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Phạm Xuân M thanh toán nợ gốc và lãi đối với Hợp đồng cho vay số LD1611200372 ngày 21-4-2016. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T, bà M cùng ký hợp đồng vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh - Phòng Giao dịch C số tiền

90.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất tại thời điểm vay là 13,2%/năm và điều chỉnh trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn đối với phần nợ gốc mà bên vay không trả đúng hạn, lãi phạt quá hạn tính trên tiền lãi phải trả và số ngày chậm trả theo quy định của Sacombank tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt quá mức phạt theo quy định pháp luật; Mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp. Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cho vay, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã giải ngân toàn bộ số tiền 90.000.000 đồng cho ông T, bà M vay đúng thời gian và tiến độ sử dụng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay, ông T, bà M đã không thực hiện đúng cam kết nêu trong hợp đồng là *"gốc trả theo từng giấy nhận nợ; lãi trả định kỳ 03 tháng/lần"*, mà chỉ đóng lãi định kỳ được 03 lần bằng 9.009.000 đồng thì ngưng không đóng lãi tiếp, cũng không trả vốn cho Ngân hàng. Tại điểm a khoản 6 của Hợp đồng cho vay số LD1611200372 thì khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu bên vay không khả năng trả nợ đúng hạn gốc, lãi và không được điều chỉnh, gia hạn kỳ hạn trả nợ gốc, lãi, thì Ngân hàng sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Do ông T, bà M vi phạm điều khoản cam kết trong hợp đồng vay, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc của hợp đồng vay sang nợ quá hạn. Quá trình Ngân hàng yêu cầu trả nợ, thì ông T, bà M không trả, mà cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ và bà M bỏ đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi ở mới, không liên lạc với Ngân hàng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến cung cấp chứng cứ, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, dự phiên đối chất, nhưng ông T, bà M đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn bà M, ông T không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc bà M, ông T vay và nợ số tiền theo Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày là sự thật.

[5] Về số tiền lãi Ngân hàng yêu cầu ông T, bà M trả gồm lãi quá hạn 23.331.000 đồng, lãi phạt quá hạn 347.414 đồng, tổng cộng tiền lãi là 23.678.414 đồng, qua đối chiếu với các điểm b, c khoản 6 của hợp đồng cho vay, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu là phù hợp. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07-6-2018 ông T, bà M còn nợ số tiền gốc là 90.000.000 đồng và nợ lãi là 23.678.414 đồng.

[6] Do ông T, bà M cùng ký hợp đồng vay và là vợ chồng, nên căn cứ vào các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để buộc bà M, ông T có trách nhiệm liên đới và nghĩa vụ chung về tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu thu hồi tiền nợ vay của nguyên đơn, cần buộc ông Nguyễn Minh T và bà Phạm Xuân M có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thông qua Phòng Giao dịch C, thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh tổng số tiền nợ tính đến ngày 07-6-2018 là 113.678.414 đồng.

[8] *Về yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp*, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1611200372 ngày 21-4-2016 được xác lập giữa Bên thế chấp là ông Nguyễn Minh T và bà Phạm Xuân M với Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh - Phòng Giao dịch C. Bên

thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Tài sản thế chấp là một quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 1.763,0m^2, đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa số 820, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh, số BO 732650, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07-10-2013 cho bà Phạm Xuân M đứng tên quyền sử dụng. Hợp đồng thế chấp số LD1611200372 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã PT ngày 22-4-2016. Việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa các bên được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1611200372 ngày 21-4-2016 là hợp pháp.

[9] Theo quy định tại khoản 6 Điều 320 và khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng cho vay số LD1611200372 ngày 21-4-2016 để thu hồi nợ khi ông T, bà M không trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ và đúng pháp luật, nên được chấp nhận.

[10] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H là người đang trực tiếp quản lý diện tích đất 1.763,0m^2, thuộc thửa số 820 mà bà M, ông T thế chấp cho Ngân hàng. Qua trình bày của bà H và qua kết quả xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương xã PT, do bà M bỏ đi khỏi địa phương ấp TC, xã PT, nên bà H quản lý đất thay cho con ruột là bà M. Nay bà Hồng không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong cùng vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với bà Phạm Xuân M, ông Nguyễn Minh T, mà bà H thống nhất Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có quyền quyết định và tự định đoạt, nên Tòa án ghi nhận ý kiến này của bà H.

[11] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S được chấp nhận, nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Phạm Xuân M và ông Nguyễn Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo quy định là 5.684.000 đồng (= 5% x 113.678.414 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 244, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 351, 357, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bà Phạm Xuân M và ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S thông qua Phòng Giao dịch C, thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh Trà Vinh theo Hợp đồng cho vay số LD1611200372 ngày 21-4-2016, với tổng số tiền tính đến ngày 07-6-2018 là 113.678.414 đ (Một trăm mười ba triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm mười bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc là 90.000.000 đ (Chín mươi triệu đồng); Lãi quá hạn là 23.331.000 đ (Hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn đồng); Lãi phạt quá hạn là 347.414 đ (Ba trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày 08-6-2018, bà Phạm Xuân M và ông Nguyễn Minh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LD1611200372 ngày 21-4-2016 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người vay vốn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đã cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Phạm Xuân M và ông Nguyễn Minh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo của khoản tiền vay để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1611200372 ngày 21-4-2016, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã PT ngày 22-4-2016. Tài sản thế chấp là một quyền sử dụng đất - quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có diện tích 1.763,0m^2, đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thửa số 820, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp TC, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh, số BO 732650, do Ủy ban nhân dân huyện Càng Long cấp ngày 07-10-2013 cho bà Phạm Xuân M đứng tên quyền sử dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Xuân M và ông Nguyễn Minh T phải chịu 5.684.000 đ (Năm triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 2.589.000 đ (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2015/0014432 ngày 21 tháng 12 năm 2017 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thanh Thảo